

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: 690 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 05 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tổ Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 24/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về QLCL, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 52/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 về việc quyết định chủ trương đầu tư; số 570/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tổ Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân);

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tổ Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng) tại Tờ trình số 949/TTr-SGTVT ngày 25/02/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tổ Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí

Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân) ; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 889/SGTVT-TĐKHKT ngày 20/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tô Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân) với những nội dung chủ yếu sau:

I. Khái quát về dự án

- Dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 với tổng mức đầu tư là 202.000.000.000 đồng (*Hai trăm linh hai tỷ đồng*).

Trong đó:

+ Chi phí bồi thường GPMB:	45.003.420.000	đồng.
+ Chi phí xây dựng:	130.017.227.000	đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	2.068.456.000	đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.161.228.000	đồng.
+ Chi phí khác:	2.625.229.000	đồng.
+ Chi phí dự phòng:	13.124.440.000	đồng.

- Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương 80 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 20 tỷ đồng; ngân sách huyện Thường Xuân và các nguồn huy động hợp pháp khác 102 tỷ đồng.

- Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2025.

- Tình hình thực hiện dự án: UBND huyện Thường Xuân và Thọ Xuân đã hoàn thành và bàn giao mặt bằng khoảng 7,3/7,55km (đạt 96,7%), còn lại phạm vi có đất ở tại khu vực nút giao đầu tuyến với đường Hồ Chí Minh và một số vị trí mở rộng mái taluy nền đào chưa bàn giao mặt bằng. Giá trị khối lượng thi công hoàn thành khoảng 62% (giá trị hợp đồng 130,617 tỷ đồng).

- Dự án được HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 570/NQ-HĐND ngày 15/10/2024.

II. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai thực hiện một số chế độ chính sách nhà nước liên quan đến dự án có thay đổi, chi phí GPMB tăng so với phương án khái toán trong tổng mức đầu tư được phê duyệt; một số hạng mục cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế hiện trường nên đã làm vượt tổng mức đầu tư được phê

duyệt, nên đã được HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 570/NQ-HĐND ngày 15/10/2024. Vì vậy, việc điều chỉnh dự án là cần thiết và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

III. Nội dung điều chỉnh

3.1. Điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở:

a) Đoạn Km1+300-Km1+500: Điều chỉnh thiết kế đào đất, đá nền đường, bao gồm: giữ nguyên các nội dung theo thiết kế được duyệt (mái taluy nền đào là 1/0,75-1/1 đối với đất cấp IV và cấp III), cắt giảm hạng mục khối lượng xáo xới nền đường đầm lèn lại $K \geq 0,98$ dày 30cm và điều chỉnh lại khối lượng đào đất, đào đá theo kết quả khảo sát địa chất bổ sung; khối lượng cụ thể được nghiệm thu theo đúng thực tế và thể hiện tại bản vẽ hoàn công, hồ sơ quản lý chất lượng.

b) Nút giao đầu tuyến với đường Hồ Chí Minh Km570+810: Bổ sung hệ thống điện chiếu sáng trên các nhánh rẽ vào đường Hồ Chí Minh.

c) Cập nhật một số nội dung điều chỉnh trong quá trình thi công (*đã được Chủ đầu tư phê duyệt*):

- Điều chỉnh, bổ sung 10 công thoát nước ngang tại các lý trình: Km1+100, Km1+795, Km2+140, Km2+200, Km2+772, Km3+260, Km4+777, Km5+743, Km5+836 và nối dài công tuyến nhánh đi cầu Tô Rồng. Cấu tạo công từng chủng loại theo thiết kế được phê duyệt.

- Bổ sung 04 đoạn rãnh thoát nước dọc: Đường ngang Km1+600, Km2+686-Km2+772 (trái tuyến), Km3+260-Km3+336 và tuyến nhánh phía trái tại nút giao cuối tuyến. Cấu tạo rãnh theo thiết kế được phê duyệt.

- Bổ sung 12 vị trí vượt nổi với đường ngang dân sinh tại các lý trình: Km0+288, Km0+686, Km2+100, Km3+834, Km4+050, Km5+054, Km5+180, Km6+266, Km6+411, Km6+485, Km6+588 và Km6+085. Kết cấu áo đường vượt nổi tương ứng theo thiết kế được phê duyệt.

(*có hồ sơ thiết kế kèm theo*).

3.2. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh trình phê duyệt: **222.000.000.000 đồng** (*Hai trăm hai mươi hai tỷ đồng*); trong đó:

- Chi phí GPMB:	55.603.420.000	đồng.
- Chi phí xây dựng:	132.162.842.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	1.682.073.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.225.625.000	đồng.
- Chi phí khác:	5.787.578.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	17.538.462.000	đồng.

(*chi tiết có phụ lục kèm theo*).

3.3. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn: Từ “Ngân sách Trung ương 80 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 20 tỷ đồng; ngân sách huyện Thường Xuân và các nguồn huy động hợp pháp khác 102 tỷ đồng” thành “Ngân sách Trung ương 80 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 40 tỷ đồng; ngân sách huyện Thường Xuân và các nguồn huy động hợp pháp khác 102 tỷ đồng”.

3.4. Nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng) tại Công văn số 889/SGTVT-TĐKHKT ngày 20/02/2025.

- Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng), UBND các huyện: Thọ Xuân, Thường Xuân, Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác của số liệu, sự phù hợp với quy định của pháp luật về quy mô, nội dung, các giải pháp thiết kế, giá trị các hạng mục công trình trình phê duyệt.

- Yêu cầu UBND huyện Thường Xuân (là đơn vị chủ quản của Chủ đầu tư) theo chức năng nhiệm vụ nắm bắt, chỉ đạo, quản lý việc thực hiện dự án đảm bảo theo các quy định của pháp luật và của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng; Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND các huyện: Thọ Xuân, Thường Xuân; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tô Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo QĐ số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch: Tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
I	Giải phóng mặt bằng	45.003.420.000	Khái toán của Chủ đầu tư được UBND các huyện Thọ Xuân, Thường Xuân thống nhất	55.603.420.000	10.600.000.000
II	Xây dựng	130.017.227.000	Cộng 1-3	132.162.842.000	2.145.615.000
1	Phần khối lượng đã phê duyệt		Hợp đồng số 24/2023/HĐTCXD ngày 20/7/2023 và phụ lục hợp đồng số 02/2024/PLHĐ-XD ngày 20/8/2024 giữa Ban QLDA và nhà thầu thi công	122.910.333.337	
-	Phần khối lượng đã thực hiện			72.971.897.909	
-	Phần khối lượng chưa thực hiện			49.938.435.428	
2	Phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung		Dự toán chi tiết	10.579.270.000	
-	Hạng mục đường giao thông			9.077.290.000	
-	Hạng mục điện chiếu sáng			1.501.979.721	
3	Điều chỉnh giá hợp đồng theo quy định về giảm thuế GTGT đối với phần khối lượng đã thanh toán		Tờ trình số 95/TTr-BQLDA ngày 12/02/2025 của Chủ đầu tư	-1.326.761.780	
III	Quản lý dự án	2.068.456.000	1,750% x0,8x 120.148.038.182	1.682.073.000	-386.383.000
IV	Tư vấn đầu tư xây dựng	9.161.228.000	Cộng 1-13	9.225.625.000	64.397.000
1	Chi phí khảo sát bước lập BC NCKT	1.829.056.000	Quyết định số 286/QĐ-BQLDA ngày 26/11/2021 của Ban QLDA	2.285.571.000	-15.005.000
2	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	471.520.000			

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo QĐ số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch Tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
3	Thiết kế, thi công cắm cọc GPMB và MLG	600.000.000	Quyết định số 170/QĐ-BQLDA ngày 07/10/2022 của Ban QLDA	3.794.310.000	36.930.000
4	Khảo sát bước lập BVTC	1.800.000.000			
5	Chi phí lập TKBVTC- DT công trình	1.357.380.000			
6	Lập đề cương, nhiệm vụ khảo sát	103.883.000		103.883.000	-
-	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>49.883.000</i>	<i>Quyết định số 220/QĐ-BQLDA ngày 01/9/2021 của Ban QLDA</i>	<i>49.883.000</i>	-
-	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	<i>54.000.000</i>	<i>Quyết định số 93/QĐ-BQLDA ngày 05/5/2023 của Ban QLDA</i>	<i>54.000.000</i>	-
7	Chi phí giám sát khảo sát	141.004.000		140.908.000	-96.000
-	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>67.708.000</i>	Quyết định số 93/QĐ-BQLDA ngày 05/5/2023 của Ban QLDA	67.708.000	-
-	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	<i>73.296.000</i>		73.200.000	-96.000
8	Chi phí thẩm tra	310.628.000		310.600.000	-28.000
-	<i>Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng</i>	<i>106.614.000</i>	Quyết định số 244/QĐ-BQLDA ngày 13/12/2022 của Ban QLDA	210.600.000	-28.000
-	<i>Chi phí thẩm tra dự toán công trình</i>	<i>104.014.000</i>			
-	<i>Chi phí thẩm tra ATGT trước khi đưa vào sử dụng</i>	<i>100.000.000</i>	Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh	100.000.000	-
9	Giám sát thi công	2.151.003.000		2.118.167.187	-32.835.813
-	<i>Giám sát thi công xây dựng</i>	<i>2.124.482.000</i>	<i>Quyết định số 490/QĐ-BQLDA ngày 09/8/2023 của Ban QLDA</i>	<i>2.095.044.000</i>	<i>-29.438.000</i>
-	<i>Giám sát công tác rà phá bom mìn, vật nổ</i>	<i>26.521.000</i>	<i>Quyết định số 93/QĐ-BQLDA ngày 05/5/2023 của Ban QLDA</i>	<i>23.123.187</i>	<i>-3.397.813</i>

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo QĐ số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch Tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
10	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	100.000.000	Quyết định số 250/QĐ-BQLDA ngày 13/10/2021 của Ban QLDA	175.448.000	75.448.000
11	Lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu	162.498.000		162.498.000	-
-	Gói thầu khảo sát, lập BCNCKT	12.599.000	Quyết định số 220/QĐ-BQLDA ngày 01/09/2021 của Ban QLDA	12.599.000	-
-	Gói thầu khảo sát, thiết kế BVTC	20.102.000	Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh	149.900.000	-
-	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	109.488.000			
-	Gói thầu tư vấn giám sát	15.020.000			
-	Gói thầu kiểm toán độc lập	5.289.000			
12	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT các gói thầu	109.416.000	Quyết định số 220/QĐ-BQLDA ngày 01/09/2021 của Ban QLDA	109.400.000	-16.000
-	Khảo sát, lập BCNCKT	2.000.000	Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh	2.000.000	-
-	Khảo sát, thiết kế BVTC	3.416.000	Quyết định số 118/QĐ-BQLDA ngày 08/8/2022 của Ban QLDA	107.400.000	-16.000
-	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.000.000			
-	Gói thầu tư vấn giám sát	2.000.000			
-	Gói thầu kiểm toán độc lập	2.000.000			
13	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả RPBМ, vật nỏ	24.840.000	Quyết định số 93/QĐ-BQLDA ngày 05/5/2023 của Ban QLDA	24.840.000	-

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo QĐ số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch Tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
V	Chi phí khác	2.625.229.000	cộng 1-9		3.162.349.000
1	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng	10.100.000	Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh	10.100.000	-
2	Thẩm định thiết kế BVTC	18.675.000	<i>Quyết định số 93/QĐ-BQLDA ngày 05/5/2023 của Ban QLDA</i>	17.439.000	-1.236.000
3	Thẩm định dự toán xây dựng	18.321.000		17.116.000	-1.205.000
4	Chi phí kiểm toán	648.221.000	0,305% x1,1x 204.462.000.000	686.532.281	38.311.280
5	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	193.597.000	0,201% x0,5x 204.462.000.000	205.637.657	12.040.657
6	Bảo hiểm công trình	325.043.000		480.008.186	154.965.186
	<i>- Các hạng mục đã phê duyệt</i>	<i>325.043.000</i>	<i>Hợp đồng số 24/2023/HĐTCXD ngày 20/7/2023 và phụ lục hợp đồng số 02/2024/PLHĐ-XD ngày 20/8/2024 giữa Ban QLDA và nhà thầu thi công</i>	<i>450.376.186</i>	
	<i>- Các hạng mục điều chỉnh bổ sung</i>		<i>0,250% x1,1x 11.046.683.000</i>	<i>30.378.000</i>	
7	Rà phá bom mìn, vật nổ	828.000.000	<i>Quyết định số 93/QĐ-BQLDA ngày 05/5/2023 của Ban QLDA</i>	778.731.000	-49.269.000
8	Chi phí cấp quyền khai thác đất khai thác tận dụng tại công trường	-	Hợp đồng số 24/2023/HĐTCXD ngày 20/7/2023 và phụ lục hợp đồng số 02/2024/PLHĐ-XD ngày 20/8/2024 giữa Ban QLDA và nhà thầu thi công	274.103.858	274.103.858
9	Kiểm tra công tác nghiệm thu xây dựng	-	<i>Quyết định số 93/QĐ-BQLDA ngày 05/5/2023 của Ban QLDA</i>	180.845.000	180.845.000

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo QĐ số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch Tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
10	Các chi phí khác	583.272.000		3.137.604.000	2.554.331.860
-	Đường dây, trạm biến áp phục vụ thi công	216.000.000	Đã tính trong chi phí xây dựng theo Hợp đồng số 24/2023/HĐTCXD ngày 20/7/2023 và phụ lục hợp đồng số 02/2024/PLHĐ-XD ngày 20/8/2024 giữa Ban QLDA và nhà thầu thi công	-	-216.000.000
-	Nền, móng trạm trộn BTXM	298.675.000		-	-298.675.000
-	Máy phát điện phục vụ thi công	-		-	-
-	Đảm bảo ATGT phục vụ thi công	68.597.000		137.603.860	69.006.860
-	Hoàn trả đường phục vụ thi công	-		Quyết định số 507/QĐ-BQLDA ngày 10/8/2024 của Ban QLDA	3.000.000.000
VI	Chi phí dự phòng	13.124.440.000	cộng 1-2	17.538.462.000	4.414.022.000
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	8.440.326.000	6,10% x 204.461.538.000	12.467.816.000	4.027.490.000
2	Dự phòng trượt giá	4.684.114.000	2,48% x 204.461.538.000	5.070.646.000	386.532.000
	Tổng cộng	202.000.000.000	(I+II+III+IV+V+VI)	222.000.000.000	20.000.000.000